

Bản án số: **507/2024/DS-PT**
Ngày: 04-9-2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Dũng

Ông Sỹ Danh Đạt

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**
Bà Trần Thị Điều - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24/6/2024, ngày 06/8/2024 và ngày 04/9/2024 tại trụ sở
Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý
số: 238/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2024/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2024
của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 356/2024/QĐ-PT ngày
27 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Mươi H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ A, Khóm A, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Mươi H: Ông
Mai Dũng M, sinh năm 1964 (có mặt); Địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã H, thành phố C,
tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 23/9/2023).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Mươi
H:* Luật sư Ngô Trọng H1 là thành viên Công ty L và Cộng sự thuộc Đoàn Luật
sư tỉnh Đ (có mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Thành K, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Tô B, Ấp B, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thành K: Anh Nguyễn Cao H2, sinh năm 1994 (vắng mặt); Địa chỉ: Số B, Quốc lộ C, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 20/9/2023).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Cao H2: Anh Nguyễn Tý H3, sinh năm 1990 (có mặt); Địa chỉ: Số B, Quốc lộ C, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 11/01/2024).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thành K là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Thị Mươi H ủy quyền cho ông Mai Dũng M trình bày: Vào khoảng tháng 03/2022, bà Mươi H có quen biết ông Nguyễn Thành K. Ông K có vay của bà Mươi H số tiền 650.000.000 đồng, với mục đích là để sửa chữa nhà ở Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, thời hạn trả 02 tháng, kể từ tháng 03 năm 2022, không lãi suất. Bà Mươi H đồng ý cho ông K vay số tiền trên và đã giao tiền cho ông K tại nhà nghỉ K1 địa chỉ: Số A, đường C, Tô G, Khóm A, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Do chỗ quen biết nên bà Mươi H không làm giấy tờ, đến thời hạn trả nợ, bà Mươi H có điện thoại yêu cầu ông K thanh toán lại tiền vay, nhưng ông K cố tình lẩn tránh, đến nay vẫn không trả tiền cho bà Mươi H và bà Mươi H có ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà Mươi H và ông K và đã lập vi bằng tại Văn phòng T1.

Nay bà Trần Thị Mươi H yêu cầu ông Nguyễn Thành K phải trả số tiền 650.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm. Nguyên đơn bà Mươi H cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh là Vi bằng số 175/2023/VB-TPL, ngày 28/3/2023 của Văn phòng T1 và đoạn ghi âm cuộc nói chuyện do bà Trần Thị Mươi H cung cấp, được lưu trong hồ sơ vụ án.

- Bị đơn Nguyễn Thành K ủy quyền cho anh Nguyễn Tý H3 trình bày: Ông Nguyễn Thành K là bạn bè với bà Trần Thị Mươi H, ông K không có mượn tiền, không có nhận tiền của bà Mươi H. Bà Mươi H đưa bản ghi âm cho rằng là giọng nói của ông K thì ông K không thừa nhận, ông K không hứa hẹn 07 ngày hay 10 ngày trả tiền vì ông K không mượn tiền, không nhận tiền, không thiếu tiền của bà Mươi H.

Nay ông Nguyễn Thành K không đồng ý trả số tiền 650.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Mươi H. Ngoài ra không yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2024/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Mươi H.

Buộc ông Nguyễn Thành K phải trả cho bà Trần Thị Mười H số tiền là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thành K được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Trần Thị Mười H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006829, ngày 23/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/3/2024 ông Nguyễn Thành K không thống nhất bản án sơ thẩm, nên đã kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mười H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Anh Nguyễn Tý H3 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thành K trình bày: Yêu cầu Tòa án phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông K, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mười H. Bởi các căn cứ như sau:

+ Ông K không có mượn tiền, không có nhận tiền của bà Mười H như bà Mười H trình bày. Ông K từ trước đến nay sinh sống tại Tổ B, Ấp B, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, không sinh sống cũng như có nhà ở Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

+ Đối với Vi bằng số: 175/2023/VB-TPL ngày 28/3/2023 và Vi bằng số: 175/2023/VB-TPL ngày 28/3/2023 của Văn phòng T1 kèm theo các đoạn ghi âm do nguyên đơn nộp cho Tòa án thì giọng nói trong đoạn ghi âm không phải là giọng nói của ông K, ngoài ra các đoạn ghi âm cũng không thể hiện rõ và cụ thể ai nợ ai? Ai trả tiền cho ai?. Hoàn toàn không có nội dung ông K nợ bà Trần Thị Mười H số tiền 650.000.000 đồng.

+ Do ông K không có nợ tiền bà Mười H, còn bà Mười H cho rằng ông K nợ tiền bà số tiền 650.000.000 đồng, nên nghĩa vụ chứng minh thuộc về phía nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy ông K không phải có nghĩa vụ chứng minh, nên đã rút yêu cầu giám định.

+ Các Vi bằng nêu trên được lập theo lời trình bày của bà Mười H mà không có cơ quan có thẩm quyền nào giám định, cho nên không đảm bảo tính khách quan.

+ Tòa án sơ thẩm chưa xem xét, làm rõ nội dung của các đoạn ghi âm, chưa đánh giá toàn diện đối với chứng cứ trong vụ án và đánh giá đầy đủ tình tiết của vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Mười H là Luật sư Ngô Trọng H1 trình bày: Việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, do nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án 02 Vi bằng số: 175/2023/VB-TPL, ngày 28/3/2023 và Vi bằng số: 395/2024/VB-TPL, ngày 12/8/2024 của Văn phòng T1 và nội dung các đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà Mười H và bị đơn ông Nguyễn Thành K, thể hiện việc ông K thừa nhận có nợ bà Mười H số tiền 650.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xác định chứng cứ thì Vi bằng là nguồn chứng cứ. Việc đại diện của bị đơn cho rằng không thừa nhận giọng nói của ông K, do được lập theo ý chí chủ quan của nguyên đơn là không có cơ sở, bởi đại diện của bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình là có căn cứ. Tại Tòa án sơ thẩm bị đơn không yêu cầu giám định giọng nói của mình, tại phiên tòa phúc thẩm ông K yêu cầu giám định nhưng không cung cấp giọng nói làm mẫu giám định và sau đó có đơn xin rút yêu cầu giám định, cho thấy bị đơn đã từ bỏ quyền của mình. Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ông Mai Dũng M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Mười H trình bày: Thống nhất trình bày và đề nghị của Luật sư H1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Mười H như nêu trên. Ông M không bổ sung gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thành K thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành K; tuyên xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2024/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh (Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 357/PB-VKS-DS ngày 04/9/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Việc ông Nguyễn Thành K nộp đơn kháng cáo đề ngày 16/3/2024 vào ngày 26/3/2024 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 20/9/2023 bị đơn ông Nguyễn Thành K (Bên A) ủy quyền cho anh Nguyễn Cao H2 (Bên B), tại mục 6, Điều 1 có quy định “Bên A đồng ý để Bên B ủy quyền lại cho Bên thứ ba để tiếp tục thực hiện công việc ủy quyền, nếu Bên B không thể tiếp tục thực hiện được. Việc Bên B ủy quyền cho Bên thứ ba không cần phải có sự đồng ý của Bên A”. Sau đó, anh Nguyễn Cao H2 đã ủy quyền lại cho anh Nguyễn Tý H3 theo Hợp đồng ủy quyền ngày 11/01/2024, phía bị đơn không phản đối hay yêu cầu gì, nên xem xét là hợp lệ.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Trần Thị Mười H cho rằng vào khoảng tháng 03/2022, bà Mười H có cho ông K vay số tiền 650.000.000 đồng, với mục đích là để sửa chữa nhà ở Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, thời hạn trả 02 tháng, không lãi suất. Do chỗ quen biết nên bà Mười H không làm giấy tờ, đến thời hạn trả nợ, bà Mười H có điện thoại yêu cầu ông K thanh toán lại tiền vay, nhưng ông K cố tình lẩn tránh, không trả tiền nợ và bà Mười H có ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà Mười H và ông K và đã lập vi bằng tại Văn phòng T1. Bà Mười H yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thành K phải trả số tiền 650.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Bị đơn ông K cho rằng không có mượn tiền, không có nhận tiền của bà Mười H, bản ghi âm do bà Mười H cung cấp cho Tòa án cho rằng là giọng nói của ông K thì ông K không thừa nhận, ông K không hứa hẹn 07 ngày hay 10 ngày trả tiền vì ông K không mượn tiền, không nhận tiền, không thiếu tiền của bà Mười H, nên không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Mười H. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Mười H buộc ông Nguyễn Thành K phải trả cho bà Trần Thị Mười H số tiền là 650.000.000 đồng là có cơ sở. Bởi các lẽ như sau:

- Nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh là Vi bằng số: 175/2023/VB-TPL, ngày 28/3/2023 của Văn phòng T1 và dữ liệu ghi âm cuộc nói chuyện do bà Trần Thị Mười H cung cấp có giọng nói theo bà Mười H giọng nữ là bà Mười H

và giọng nam là của bị đơn ông Nguyễn Thành K. Bị đơn ông Nguyễn Thành K cho rằng bà Mươi H đưa ra chứng cứ là đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà Mươi H và ông K thì ông K không thừa nhận, cho rằng giọng nam trong đoạn ghi âm cuộc nói chuyện không phải là giọng nói của ông K, vì ông K không hứa hẹn 07 ngày hay 10 ngày trả tiền, lý do ông K không vay tiền, không nhận tiền của bà Mươi H. Tòa án sơ thẩm đã thông báo cho các đương sự về việc nộp đơn yêu cầu giám định đối với giọng nói trong đoạn ghi âm, mặc dù bị đơn không thừa nhận giọng nói của ông K trong đoạn ghi âm nhưng không yêu cầu giám định và cũng không đồng ý cung cấp giọng nói mẫu của ông K để giám định trong trường hợp có yêu cầu, lý do phía bị đơn cho rằng việc chứng minh là của nguyên đơn, bị đơn không có nghĩa vụ chứng minh. Tại Tòa án phúc thẩm bị đơn ông Nguyễn Thành K và người đại diện theo ủy quyền của ông K là anh Nguyễn Tý H3 có nộp đơn yêu cầu về việc giám định giọng nói ngày 20/6/2024 và ngày 06/8/2024. Sau đó Tòa án đã thông báo và triệu tập ông K đến Tòa án để thu thập giọng nói làm cơ sở giám định, nhưng ông K đã vắng mặt vào ngày 16/8/2024 và ngày 30/8/2024, đồng thời đến ngày 30/8/2024 thì anh T H3 đại diện cho ông K đã nộp đơn xin rút yêu cầu giám định. Cho thấy ông K đã từ bỏ quyền của mình về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình là có cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Theo Vi bằng số: 175/2023/VB-TPL, ngày 28/3/2023 của Văn phòng T1 và nội dung đoạn ghi âm cuộc nói chuyện do bà Trần Thị Mươi H cung cấp có giọng nói theo bà Mươi H giọng nữ là bà Mươi H và giọng nam là của bị đơn ông Nguyễn Thành K, thể hiện nội dung “.....*Nam 1: Bây giờ nè lo trong vòng một tuần lễ, mười ngày trở lại đây trả cuốn sổ của thầy, bảy tây tui sẽ trả sáu trăm năm chục triệu đó cho..*”. Đồng thời, theo Vi bằng số: 395/2024/VB-TPL, ngày 12/8/2024 của Văn phòng T1 và nội dung đoạn ghi âm cuộc nói chuyện do bà Trần Thị Mươi H cung cấp có giọng nói theo bà Mươi H giọng nữ là bà Mươi H và giọng nam là của bị đơn ông Nguyễn Thành K, thể hiện nội dung “...*Nữ: Trả tiền bao nhiêu; Nam: Thì sáu trăm rưỡi tui trả sáu trăm rưỡi còn hai trăm triệu đó là mấy người tính sao với tui...*”. Tại Điều 36 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP, ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại, quy định: “...3. *Vi bằng là nguồn chứng cứ để Tòa án xem xét khi giải quyết vụ việc dân sự và hành chính theo quy định của pháp luật; là căn cứ để thực hiện giao dịch giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.*” và theo Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, quy định: “2. *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó...; 4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.*”. Việc ông K không

cung cấp chứng cứ phản bác yêu cầu của bà Mười M1, thì Tòa án căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án là có cơ sở. Do đó, xác định hợp đồng vay giữa hai bên đương sự là có thật và ông K có vay tiền của bà Mười H, đến nay chưa trả số tiền 650.000.000 đồng cho bà Mười H. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm căn cứ Điều 36 của Nghị định số: 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại; Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mười H yêu cầu ông Nguyễn Thành K trả số tiền 650.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa anh Nguyễn Tý H3 đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thành K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông K. Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của anh T H3 là không có đủ căn cứ, đồng thời ông K cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của ông Nguyễn Thành K không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do ông K thuộc trường hợp là người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí, nên được xét miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thành K;
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2024/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Thành K được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- TAND thành phố Cao Lãnh;
- Chi cục THADS TP. Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Tấn Lợi